



CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM AN THIÊN
314 Bông Sao, Phường 5, Quận 8, TP. Hồ Chí Minh

MẪU NHÃN , HỘP XIN ĐĂNG KÝ

- 1 - Mẫu nhãn hộp chứa 1 tuýp 5 gam thuốc mỡ bôi da
- 2 - Mẫu nhãn tuýp chứa 5 gam thuốc mỡ bôi da

Thành phần: Mỗi 100 g thuốc mỡ chứa 2 g Mupirocin
Chỉ định - Chống chỉ định - Liều dùng và cách dùng - Thận trọng - Tác dụng phụ và các thông tin chỉ tiết khác: Xem trên tờ HDSD kèm theo.
Bảo quản: Nơi khô ráo, nhiệt độ không quá 30°C, tránh ánh sáng.
ĐỂ XA TÂM TAY CỦA TRẺ EM.
ĐỌC KỸ HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG TRƯỚC KHI DÙNG.

Thuốc mỡ bôi da
Hộp 1 tuýp 5 g

ANTHIMUCIN
Mupirocin 2% kl/kl

GMP - WHO

ANTHIMUCIN
Mupirocin 2% kl/kl
THUỐC DÙNG NGOÀI

THUỐC DÙNG NGOÀI



CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM AN THIÊN
314 Bông Sao, Phường 5, Quận 8, TP. Hồ Chí Minh

Tiêu chuẩn: TCCS

SĐK:

Số lô sản xuất:

Ngày sản xuất:

Hạn dùng:

Sản xuất tại nhà máy:
CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM AN THIÊN
Lô C16, Đ. Số 9, KCN Hiệp Phước, H. Nhà Bè, Tp. HCM

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM AN THIÊN
314 Bông Sao, Phường 5, Quận 8, TP. Hồ Chí Minh

THUỐC DÙNG NGOÀI

ANTHIMUCIN
Mupirocin 2% kl/kl

GMP - WHO

Thuốc mỡ bôi da
Hộp 1 tuýp 5 g

Số lô sản xuất:

Thuốc mỡ bôi da
Hộp 1 tuýp 5 g

ANTHIMUCIN
Mupirocin 2% kl/kl

GMP - WHO

THUỐC DÙNG NGOÀI



CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM AN THIÊN
314 Bông Sao, Phường 5, Quận 8, TP. Hồ Chí Minh

Thành phần: Mỗi 100 g thuốc mỡ chứa 2 g Mupirocin
Chỉ định - Chống chỉ định - Liều dùng và cách dùng - Thận trọng - Tác dụng phụ và các thông tin chỉ tiết khác: Xem trên tờ HDSD kèm theo.
Bảo quản: Nơi khô ráo, nhiệt độ không quá 30°C, tránh ánh sáng.
ĐỂ XA TÂM TAY CỦA TRẺ EM.
ĐỌC KỸ HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG TRƯỚC KHI DÙNG.
Tiêu chuẩn: TCCS SĐK:

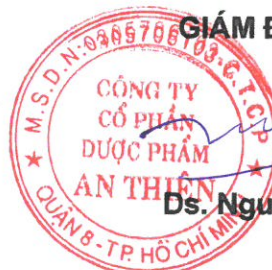
Sản xuất tại nhà máy: CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM AN THIÊN
Lô C16, Đ. Số 9, KCN Hiệp Phước, H. Nhà Bè, Tp. HCM.

BỘ Y TẾ
CỤC QUẢN LÝ DƯỢC
ĐÃ PHÊ DUYỆT

Lần đầu: 01/08/2019

Ngày 27 Tháng 12. Năm 2018

GIÁM ĐỐC NHÀ MÁY



Ds. Nguyễn Trung Hiếu



- 1 - Mẫu nhãn hộp chứa 1 tuýp 10 gam thuốc mỡ bôi da
2 - Mẫu nhãn tuýp chứa 10 gam thuốc mỡ bôi da

TN-41452

Thành phần: Mỗi 100 g thuốc mỡ chứa 2 g Mupirocin
Chỉ định - Chống chỉ định - Liều dùng và cách dùng - Thận trọng - Tác dụng phụ và các thông tin chỉ tiết khác: Xem trên tờ HDSD kèm theo.
Bảo quản: Nơi khô ráo, nhiệt độ không quá 30°C, tránh ánh sáng.
ĐỂ XA TÂM TAY CỦA TRẺ EM.
ĐỌC KỸ HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG TRƯỚC KHI DÙNG.

Thuốc mỡ bôi da
Hộp 1 tuýp 10 g

ANTHIMUCIN
Mupirocin 2% kl/kl

GMP - WHO

ANTHIMUCIN
Mupirocin 2% kl/kl

THUỐC DÙNG NGOÀI

THUỐC DÙNG NGOÀI



CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM AN THIÊN
314 Bông Sao, Phường 5, Quận 8, TP. Hồ Chí Minh

Tiêu chuẩn: TCCS

SĐK:

Số lô sản xuất:

Ngày sản xuất:

Hạn dùng:

Sản xuất tại nhà máy:
CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM AN THIÊN
Lô C16, Đ.Số 9, KCN Hiệp Phước, H. Nhà Bè, Tp.HCM

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM AN THIÊN
314 Bông Sao, Phường 5, Quận 8, TP. Hồ Chí Minh

THUỐC DÙNG NGOÀI

Mupirocin 2% kl/kl

ANTHIMUCIN

GMP - WHO

Thuốc mỡ bôi da
Hộp 1 tuýp 10 g

Số lô sản xuất:

Thuốc mỡ bôi da
Hộp 1 tuýp 10 g

ANTHIMUCIN
Mupirocin 2% kl/kl

GMP - WHO

THUỐC DÙNG NGOÀI



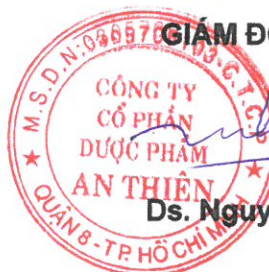
CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM AN THIÊN
314 Bông Sao, Phường 5, Quận 8, TP. Hồ Chí Minh

Thành phần: Mỗi 100 g thuốc mỡ chứa 2 g Mupirocin
Chỉ định - Chống chỉ định - Liều dùng và cách dùng - Thận trọng - Tác dụng phụ và các thông tin chỉ tiết khác: Xem trên tờ HDSD kèm theo.
Bảo quản: Nơi khô ráo, nhiệt độ không quá 30°C, tránh ánh sáng.
ĐỂ XA TÂM TAY CỦA TRẺ EM.
ĐỌC KỸ HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG TRƯỚC KHI DÙNG.
Tiêu chuẩn: TCCS SĐK:

Sản xuất tại nhà máy: CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM AN THIÊN
Lô C16, Đ.Số 9, KCN Hiệp Phước, H. Nhà Bè, Tp.HCM.

Ngày 28. Tháng 12. Năm 2018

GIÁM ĐỐC NHÀ MÁY



Ds. Nguyễn Trung Hiếu



- 1 - Mẫu nhãn hộp chứa 1 tuýp 15 gam thuốc mỡ bôi da
- 2 - Mẫu nhãn tuýp chứa 15 gam thuốc mỡ bôi da

TN-41452

Thành phần: Mỗi 100 g thuốc mỡ chứa 2 g Mupirocin Chỉ định - Chống chỉ định - Liều dùng và cách dùng - Thận trọng - Tác dụng phụ và các thông tin chi tiết khác: Xem trên tờ HDSD kèm theo. Bảo quản: Nơi khô ráo, nhiệt độ không quá 30°C, tránh ánh sáng. ĐỂ XA TÂM TAY CỦA TRẺ EM. ĐỌC KỸ HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG TRƯỚC KHI DÙNG.	
Thuốc mỡ bôi da Hộp 1 tuýp 15 g	ANTHIMUCIN Mupirocin 2% kl/kl THUỐC DÙNG NGOÀI ANTHIMUCIN Mupirocin 2% kl/kl THUỐC DÙNG NGOÀI
	Tiêu chuẩn: TCCS SDK: Số lô sản xuất: Ngày sản xuất: Hạn dùng: Sản xuất tại nhà máy: CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM AN THIÊN Lô C16, Đ.Số 9, KCN Hiệp Phước, H. Nhà Bè, Tp.HCM
ANTHIMUCIN Mupirocin 2% kl/kl Thuốc mỡ bôi da Hộp 1 tuýp 15 g	
Số lô sản xuất:	ANTHIMUCIN Mupirocin 2% kl/kl THUỐC DÙNG NGOÀI ANTHIMUCIN Mupirocin 2% kl/kl
Hạn dùng:	Thành phần: Mỗi 100 g thuốc mỡ chứa 2 g Mupirocin Chỉ định - Chống chỉ định - Liều dùng và cách dùng - Thận trọng - Tác dụng phụ và các thông tin chi tiết khác: Xem trên tờ HDSD kèm theo. Bảo quản: Nơi khô ráo, nhiệt độ không quá 30°C, tránh ánh sáng. ĐỂ XA TÂM TAY CỦA TRẺ EM. ĐỌC KỸ HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG TRƯỚC KHI DÙNG. Tiêu chuẩn: TCCS SDK: Sản xuất tại nhà máy: CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM AN THIÊN Lô C16, Đ.Số 9, KCN Hiệp Phước, H. Nhà Bè, Tp.HCM.

Ngày 28. Tháng 12. Năm 2019

GIÁM ĐỐC NHÀ MÁY



Ds. Nguyễn Trung Hiếu



- 1 - Mẫu nhãn hộp chứa 1 tuýp 20 gam thuốc mỡ bôi da
- 2 - Mẫu nhãn tuýp chứa 20 gam thuốc mỡ bôi da

TN-4/452

Thành phần: Mỗi 100 g thuốc mỡ chứa 2 g Mupirocin
Chỉ định - Chống chỉ định - Liều dùng và cách dùng - Thận trọng - Tác dụng phụ và các thông tin chi tiết khác: Xem trên tờ HDSD kèm theo.
Bảo quản: Nơi khô ráo, nhiệt độ không quá 30°C, tránh ánh sáng.
ĐỂ XA TÂM TAY CỦA TRẺ EM.
ĐỌC KỸ HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG TRƯỚC KHI DÙNG.

Thuốc mỡ bôi da
Hộp 1 tuýp 20 g

ANTHIMUCIN
Mupirocin 2% kl/kl

GMP - WHO

ANTHIMUCIN
Mupirocin 2% kl/kl
THUỐC DÙNG NGOÀI

THUỐC DÙNG NGOÀI



CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM AN THIÊN
314 Bông Sao, Phường 5, Quận 8, TP. Hồ Chí Minh

Tiêu chuẩn: TCCS

SĐK:

Số lô sản xuất:

Ngày sản xuất:

Hạn dùng:

Sản xuất tại nhà máy:
CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM AN THIÊN
Lô C16, Đ. Số 9, KCN Hiệp Phước, H. Nhà Bè, Tp. HCM

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM AN THIÊN
314 Bông Sao, Phường 5, Quận 8, TP. Hồ Chí Minh

THUỐC DÙNG NGOÀI

ANTHIMUCIN
Mupirocin 2% kl/kl

GMP - WHO

Thuốc mỡ bôi da
Hộp 1 tuýp 20 g

Số lô sản xuất:

Thuốc mỡ bôi da
Hộp 1 tuýp 20 g

ANTHIMUCIN
Mupirocin 2% kl/kl

GMP - WHO

THUỐC DÙNG NGOÀI



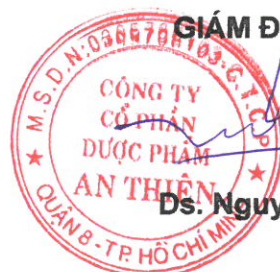
CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM AN THIÊN
314 Bông Sao, Phường 5, Quận 8, TP. Hồ Chí Minh

Thành phần: Mỗi 100 g thuốc mỡ chứa 2 g Mupirocin
Chỉ định - Chống chỉ định - Liều dùng và cách dùng - Thận trọng - Tác dụng phụ và các thông tin chi tiết khác: Xem trên tờ HDSD kèm theo.
Bảo quản: Nơi khô ráo, nhiệt độ không quá 30°C, tránh ánh sáng.
ĐỂ XA TÂM TAY CỦA TRẺ EM.
ĐỌC KỸ HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG TRƯỚC KHI DÙNG.
Tiêu chuẩn: TCCS SĐK:

Sản xuất tại nhà máy: CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM AN THIÊN
Lô C16, Đ. Số 9, KCN Hiệp Phước, H. Nhà Bè, Tp. HCM.

Ngày 28. Tháng 12. Năm 2018

GIÁM ĐỐC NHÀ MÁY



Ds. Nguyễn Trung Hiếu

TỜ HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG THUỐC THUỐC MỠ BÔI DA ANTHIMUCIN

THUỐC MỠ BÔI DA ANTHIMUCIN

ĐỂ XA TÂM TAY CỦA TRẺ EM
ĐỌC KỸ HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG TRƯỚC KHI DÙNG
NẾU CẦN THÊM THÔNG TIN XIN HỎI Ý KIẾN CỦA BÁC SĨ
KHÔNG DÙNG THUỐC QUÁ HẠN SỬ DỤNG GHI TRÊN NHÃN

THÀNH PHẦN

Mỗi 100 g thuốc mỡ chứa:

Hoạt chất: Mupirocin 2 g

Tá dược: vừa đủ 100 g

(Polyethylene glycol 3350, Polyethylene glycol 400).

DẠNG BẢO CHẾ

Thuốc mỡ bôi da

Mô tả sản phẩm: Thuốc mỡ màu trắng đục, thể chất mịn, đồng nhất.

CHỈ ĐỊNH

- Anthimucin được chỉ định ở người lớn và trẻ em.
- Anthimucin là tác nhân điều trị nhiễm khuẩn tại chỗ, tác dụng lên phần lớn các vi khuẩn gây bệnh nhiễm khuẩn ngoài da. ví dụ: *Staphylococcus aureus*, bao gồm cả các chủng kháng methicillin, và các loài *Staphylococcus*, *Streptococcus* khác. Nó còn có hoạt tính trên vi sinh vật gram âm như *Escherichia coli* và *Haemophilus influenzae*. Thuốc mỡ Anthimucin được sử dụng điều trị nhiễm khuẩn da, ví dụ như bệnh chốc lở, viêm nang lông, viêm da.

LIỀU DÙNG VÀ CÁCH DÙNG

Liều dùng

Người lớn (bao gồm cả người già)/Trẻ em: Có thể sử dụng trên vùng da bị ảnh hưởng tối đa 3 lần/ngày, tối đa trong 10 ngày tùy theo đáp ứng.

Cách dùng

Dùng tại chỗ, bôi một lượng nhỏ thuốc mỡ Anthimucin lên trên vùng tổn thương. Vùng tổn thương có thể được băng lại.

CHỐNG CHỈ ĐỊNH

- Không dùng Anthimucin cho bệnh nhân có tiền sử quá mẫn với bất kỳ thành phần nào của thuốc.
- Thuốc mỡ Anthimucin này không phù hợp sử dụng trong nhãn khoa hoặc bên trong mũi.

CẢNH BÁO VÀ THẬN TRỌNG KHI DÙNG THUỐC

- Khi sử dụng Anthimucin xảy ra phản ứng quá mẫn hoặc kích ứng nặng tại chỗ, nên ngừng điều trị, lau sạch thuốc và điều trị thay thế bằng thuốc chống nhiễm khuẩn thích hợp khác.
- Cũng như các thuốc kháng sinh khác, sử dụng kéo dài có thể dẫn đến tăng sinh các vi sinh không nhạy cảm.
- Viêm ruột kết màng giả đã được báo cáo khi sử dụng kháng sinh và có thể ở mức độ nghiêm trọng từ nhẹ đến đe dọa tính mạng. Do đó, cần thiết phải xem xét chẩn đoán ở bệnh nhân mắc tiêu chảy trong hoặc sau khi sử dụng kháng sinh. Mặc dù tác dụng không mong muốn này ít xảy ra khi dùng Anthimucin bôi tại chỗ, nhưng nếu bệnh nhân tiêu chảy nặng hoặc kéo dài hoặc đau quặn bụng, nên ngừng điều trị ngay lập tức và bệnh nhân cần được thăm khám kỹ hơn.

Suy thận

Polyethylene glycol có thể được hấp thu qua các vết thương hở, da bị tổn thương và được bài tiết qua thận. Tương tự như các loại thuốc mỡ khác có chứa polyethylene glycol, Anthimucin không nên sử dụng trong trường hợp bệnh nhân có thể hấp thu một lượng lớn polyethylene glycol, đặc biệt nếu có bằng chứng suy thận vừa hoặc nặng.

Thuốc mỡ Anthimucin không phù hợp cho:

- Sử dụng trong nhãn khoa.
- Sử dụng bên trong mũi.
- Sử dụng kết hợp với ống thông.
- Tại vị trí đặt ống thông tĩnh mạch trung tâm.

Tránh tiếp xúc với mắt. Nếu thuốc dính vào mắt, phải được rửa sạch mắt bằng nước cho đến khi loại bỏ hết thuốc mỡ.

SỬ DỤNG THUỐC CHO PHỤ NỮ CÓ THAI VÀ CHO CON BÚ

Phụ nữ có thai

Các nghiên cứu về Anthimucin ở động vật cho thấy không có bằng chứng gây hại đến thai nhi. Vì không có kinh nghiệm lâm sàng về việc sử dụng thuốc trong thai kỳ, Anthimucin chỉ nên được sử dụng trong thai kỳ khi lợi ích vượt trội nguy cơ.

Phụ nữ cho con bú:

Không có dữ liệu về Anthimucin được bài tiết qua sữa mẹ. Nếu cần điều trị núm vú bị nứt nẻ thì nên rửa sạch núm vú trước khi cho con bú.

Khả năng sinh sản:

Không có dữ liệu về tác dụng của Anthimucin đối với khả năng sinh sản của con người. Các nghiên cứu trên chuột cho thấy thuốc không có ảnh hưởng đến khả năng sinh sản.

ẢNH HƯỞNG CỦA THUỐC LÊN KHẢ NĂNG LÁI XE VÀ VẬN HÀNH MÁY MÓC

Thuốc mỡ Anthimucin không có hoặc ảnh hưởng không đáng kể đến khả năng lái xe và vận hành máy móc.

TƯƠNG TÁC, TƯƠNG KỶ CỦA THUỐC

Tương tác thuốc: Chưa tìm thấy thông tin về tương tác thuốc.

Tương kỵ: Do không có các nghiên cứu về tính tương kỵ của thuốc, không trộn lẫn thuốc này với thuốc khác.

TÁC DỤNG KHÔNG MONG MUỐN CỦA THUỐC

Phản ứng không mong muốn được liệt kê dưới đây theo hệ cơ quan và tần suất. Tần suất được xác định như sau: rất phổ biến ($\geq 1/10$), phổ biến ($\geq 1/100$ đến $< 1/10$), không phổ biến ($\geq 1/1.000$ đến $< 1/100$), hiếm ($\geq 1/10.000$ đến $< 1/1.000$), rất hiếm ($< 1/10.000$).

Các phản ứng không mong muốn phổ biến và không phổ biến được xác định từ dữ liệu về tính an toàn được tập hợp từ 12 nghiên cứu lâm sàng của 1573 bệnh nhân. Các phản ứng không mong muốn rất hiếm được xác định chủ yếu từ dữ liệu sau lưu hành thuốc và do đó dựa trên tỷ lệ báo cáo thay vì tần suất thực.

Rối loạn hệ thống miễn dịch

Rất hiếm Phản ứng dị ứng toàn thân bao gồm quá mẫn, phát ban toàn thân, nổi mề đay và phù mạch đã được báo cáo khi dùng Thuốc mỡ Anthimucin

Rối loạn da và mô dưới da

Phổ biến Nóng rát tại chỗ bôi thuốc
Không phổ biến Ngứa, ban đỏ, cảm giác châm chích và khô da tại chỗ bôi thuốc. Phản ứng mẫn cảm ở da với Anthimucin hoặc với tá dược.

THÔNG BÁO NGAY CHO BÁC SĨ HOẶC DƯỢC SĨ NHỮNG PHẢN ỨNG CÓ HẠI GẶP PHẢI KHI SỬ DỤNG THUỐC. QUÁ LIỀU VÀ CÁCH XỬ TRÍ

Dấu hiệu và triệu chứng

Thông tin về quá liều Anthimucin hiện vẫn còn hạn chế.

Xử lý

- Không có điều trị cụ thể cho quá liều Anthimucin. Trong trường hợp quá liều, bệnh nhân cần được điều trị hỗ trợ với sự theo dõi thích hợp khi cần thiết.
- Tiến hành điều trị dựa trên biểu hiện lâm sàng hoặc theo khuyến cáo của Trung tâm chống độc quốc gia nếu có.

CÁC ĐẶC TÍNH DƯỢC LÝ

Nhóm dược lý: Kháng sinh hoạt phổ hẹp.

Mã ATC: D06AX09.

Được lực học:

Cơ chế hoạt động

- Mupirocin là một loại kháng sinh mới được sản xuất thông qua quá trình lên men bởi *Pseudomonas fluorescens*.
- Mupirocin ức chế men isoleucyl transfer-RNA synthetase, do đó làm ngừng sự tổng hợp protein của vi khuẩn.
- Mupirocin có đặc tính kìm khuẩn ở nồng độ ức chế tối thiểu và đặc tính diệt khuẩn ở nồng độ cao hơn khi dùng tại chỗ.

Cơ chế kháng thuốc

- Đề kháng mức độ thấp ở các loài *Staphylococcus* được cho là do thay đổi enzyme isoleucyl tRNA synthetase tự nhiên. Đề kháng mức độ cao ở các loài *Staphylococcus* đã được chứng minh là do enzyme isoleucyl tRNA synthetase được mã hóa qua trung gian plasmid.
- Kháng nội tại ở các sinh vật gram âm như *Enterobacteriaceae* có thể là do thuốc ít thâm nhập được vào bên trong tế bào vi khuẩn.
- Do cơ chế tác dụng mupirocin khác với các kháng sinh hiện có và cấu trúc hóa học độc đáo, nên không có sự đề kháng chéo với các kháng sinh khác.

Mẫn cảm vi sinh

Tỷ lệ kháng thuốc có thể thay đổi theo vị trí địa lý và theo thời gian đối với các loài vi sinh được chọn, và thông tin về tình hình kháng thuốc địa phương cần được biết, đặc biệt là khi điều trị bội nhiễm. Khi cần thiết nên tìm kiếm lời khuyên của chuyên gia.

Vi khuẩn nhạy cảm
<i>Staphylococcus aureus</i> *
<i>Streptococcus pyogenes</i> *
<i>Streptococcus</i> spp. (<i>Streptococcus</i> tiêu huyết betae , trừ <i>S. pyogenes</i>)
Vi khuẩn có khả năng kháng thuốc
<i>Staphylococcus</i> spp., không có men Coagulase
Vi khuẩn kháng thuốc
<i>Corynebacterium</i> spp.
<i>Micrococcus</i> spp.

* Hoạt tính đã được chứng minh trong các nghiên cứu lâm sàng

Được động học:

Hấp thu

Ở người, mupirocin hấp thu kém trên vùng da không bị tổn thương

05706
ÔNG
CỔ PH
C P
V T
-TR

Chuyển hóa

Mupirocin chỉ thích hợp để bôi tại chỗ. Sau khi tiêm tĩnh mạch hoặc uống hoặc khi bị hấp thu (như qua vùng da bị tổn thương/ bị bệnh) mupirocin nhanh chóng được chuyển hóa thành acid monic không hoạt tính.

Thải trừ

Mupirocin được đào thải nhanh chóng ra khỏi cơ thể nhờ chuyển hóa thành acid monic bất hoạt, chất này bị bài tiết nhanh chóng qua thận.

Đối tượng đặc biệt

Người cao tuổi: Không cần hạn chế nếu không có bằng chứng suy thận mức độ vừa đến nặng.

QUY CÁCH ĐÓNG GÓI:

Hộp 1 tuýp 5g

Hộp 1 tuýp 10g

Hộp 1 tuýp 15g

Hộp 1 tuýp 20g

BẢO QUẢN:

Bảo quản nơi khô ráo, nhiệt độ không quá 30 °C, tránh ánh sáng.

HẠN DÙNG: 24 tháng kể từ ngày sản xuất.

TIÊU CHUẨN: TCCS

Sản xuất tại nhà máy:

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM AN THIÊN

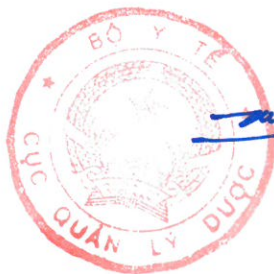
Lô C16, Đường Số 9, KCN Hiệp Phước, Huyện Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh

TP Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 12 năm 2018

GIÁM ĐỐC NHÀ MÁY



ThS.DS. Nguyễn Trung Hiếu



TUQ.CỤC TRƯỞNG
P.TRƯỞNG PHÒNG
Nguyễn Ngọc Anh

